|  |  |
| --- | --- |
| [**thuvienhoclieu.com**](https://thuvienhoclieu.com/)**ĐỀ 1** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II** **[Môn: Địa Lý 10](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-10/)** |

**A. TRẮC NGHIỆM *(5 điểm)***

**1. Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp**

A.Sản xuất phân tán trong không gian.

B.Sản xuất bao gồm hai giai đoạn.

C.Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân bố tỉ mỉ, có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

D.Sản xuất có tính tập trung cao độ.

**2. Nhân tố làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp**

A. Dân cư và lao động B. Thị trường C. Tiến bộ khoa học kĩ thuật D. Chính sách

**3. Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc ngành năng lượng?**

A. Khai thác than B. Khai thác dầu khí C. Điện lực D. Lọc dầu

**4. Hình thức cơ bản nhất để tiến hành hoạt động công nghiệp là**

A. Điểm công nghiệp B. Xí nghiệp công nghiệp

C. Khu công nghiệp D. Trung tâm công nghiệp

**5. Ngành dịch vụ nào dưới đây không thuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh**

A. Giao thông vận tải B. Tài chính C. Bảo hiểm D. Các hoạt động đoàn thể

**6. Khi lựa chọn loại hình giao thông vận tải và thiết kế các công trình giao thông,yếu tố đầu tiên phải chú ý đến là**

A. Trình độ kỹ thuật B. Vốn đầu tư C. Dân cư D. Điều kiện tự nhiên

**7. Hiện nay ngành đường sắt đang bị cạnh tranh khốc liệt bởi ngành đường ô tô lý do chính là vì**

A.Thiếu cơ động, chỉ hoạt động được trên những tuyến cố định.

B.Vốn đầu tư lớn.

C. Sử dụng nhiều lao động để điều hành.

D. Tất cả các lý do trên.

**8. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp với các hình thức đã góp phần thành công sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước chủ yếu ở**

A. Các nước phát triển. B. Các nước dang phát triển.

C. Ý A và B đúng. D. Các nước phát triển và nước công nghiệp mới.

**9. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**10. Ở các nước phát triển, số người hoạt động trong ngành dịch vụ là**

A. 50 → 55%. B. 55 → 60%. C. 60 → 65%. D. trên70%.

**11. Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**12. Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là đặc điểm của:**

A. Đường sắt. B. Đường biển. C. Đường ô tô. D. Hàng không.

**13. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào**

A. Điều kiện tự nhiên – dân cư. B. Kinh tế - chính sách.

C. Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. D. Các ý đều đúng.

**14. Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

A. có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố.

B. Dễ thay đổi thiết bị.

C. không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác.

D. Các ý đều đúng.

**15. Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp**

A. Đúng B. Sai

**16. Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

A. Vùng sản xuất nguyên liệu. B. Điểm công nghiệp.

C. Vùng công nghiệp. D. Phân bố dân cư.

**17. ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Gia súc, lạc đà.

**18. Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì**

A.Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

B.Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

C. Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

D.Tất cả các ý trên.

**19. Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là**

A. Công nghiệp điện lực B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp điện tử tin học.

**20. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**B. TỰ LUẬN *(5.0 điểm)***

***Câu 1. (2.0 đ)***

 Em hãy cho biết điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

***Câu 2. (3.0 đ)*** Cho bảng số liệu: (Đơn vị: Tỉ USD)

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KỲ- TRUNG QUỐC- NHẬT BẢN NĂM 2004

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Giá trị xuất khẩu**  | **Giá trị nhập khẩu** |
| Hoa Kỳ | 819,0 | 1526,4 |
| Trung Quốc | 858,9 | 834,4 |
| Nhật Bản | 566,5 | 464,1 |

a. Tính cán cân thương mại của các nước trên

b. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của các nước trên.

c. Rút ra nhận xét

**\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_**

|  |  |
| --- | --- |
| [**thuvienhoclieu.com**](https://thuvienhoclieu.com/)**ĐỀ 2** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II** **[Môn: Địa Lý 10](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-10/)** |

1. **Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Ý nào sau đây là đặc điểm chính của vùng công nghiệp?

**A.** Có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

**B.** Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

**C.** Sản xuất các sản phẩm để tiêu dùng và xuất khẩu.

**D.** Tập trung ít xí nghiệp, không có mối liên hệ với nhau.

**Câu 2:** Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

**A.** Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

**B.** Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.

**C.** Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.

**D.** Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.

**Câu 3:** Nguyên liệu chủ yếu của công nghiệp thực phẩm là sản phẩm của ngành

**A.** khai thác gỗ, chăn nuôi và thủy sản. **B.** trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

**C.** khai thác gỗ, khai thác khoáng sản. **D.** khai thác khoáng sản, thủy sản.

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không** đúng với tính chất tập trung cao độ của công nghiệp?

**A.** Tạo ra khối lượng lớn sản phẩm. **B.** Thu hút nhiều lao động.

**C.** Tập trung tư liệu sản xuất. **D.** Cần không gian rộng lớn.

**Câu 5:** Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây?

**A.** Điểm công nghiệp. **B.** Khu công nghiệp.

**C.** Vùng công nghiệp. **D.** Trung tâm công nghiệp.

**Câu 6:** Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như sau

**A.** Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp.

**B.** Vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp.

**C.** Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.

**D.** Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp.

**Câu 7:** Trữ lượng dầu mỏ trên thế giới tập trung lớn nhất ở đâu?

**A.** Trung Đông. **B.** Bắc Mĩ. **C.** Mĩ La Tinh. **D.** Tây Âu

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm ngành công nghiệp dệt?

**A.** Đòi hỏi trình độ khoa học - kĩ thuật cao. **B.** Lao động dồi dào, nhu cầu lớn về nhân công.

**C.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn vì có dân số đông. **D.** Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**Câu 9:** Ngành công nghiệp dệt - may có tác động mạnh nhất tới ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Công nghiệp cơ khí. **B.** Công nghiệp hóa chất.

**C.** Công nghiệp luyện kim. **D.** Công nghiệp năng lượng.

**Câu 10:** Trong ngành công nghiệp điện tử - tin học, các sản phẩm: phần mềm, thiết bị công nghệ thuộc nhóm

**A.** thiết bị viễn thông. **B.** thiết bị điện tử. **C.** máy tính. **D.** điện tử tiêu dùng.

**Câu 11:** Vai trò nào dưới đây **không** phải là của ngành công nghiệp?

**A.** Sản xuất ra lương thực - thực phẩm cho con người.

**B.** Cung cấp tư liệu sản xuất cho tất cả các ngành kinh tế.

**C.** Khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**D.** Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác.

**Câu 12:** Ngành công nghiệp được coi là thước đo trình độ phát triển khoa học - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

**A.** công nghiệp năng lượng. **B.** sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** điện tử - tin học. **D.** công nghiệp thực phẩm.

**Câu 13:** Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

**A.** Không chiếm diện tích rộng. **B.** Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

**C.** Ít gây ô nhiễm môi trường. **D.** Không yêu cầu cao về trình độ lao động.

**Câu 14:** Đặc điểm nào sau đây khiến cho sản xuất công nghiệp không đòi hỏi những không gian rộng lớn?

**A.** Bao gồm hai giai đoạn. **B.** Gồm ít ngành sản xuất.

**C.** Sản xuất có tính tập trung cao độ. **D.** Gồm nhiều ngành phức tạp.

**Câu 15:** Hoạt động công nghiệp nào sau đây **không** cần nhiều lao động

**A.** Dệt - may. **B.** Giày - da. **C.** Thủy điện. **D.** Thực phẩm.

**Câu 16:** Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của các quốc gia?

**A.** Thực phẩm. **B.** Năng lượng.

**C.** Điện tử - tin học. **D.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 17:** Ý nào sau đây **không** đúng với vai trò của ngành công nghiệp?

**A.** Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.

**B.** Luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP.

**C.** Tạo ra các sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển kinh tế.

**D.** Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn.

**Câu 18:** Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở các nước đang phát triển là

**A.** sản xuất phục vụ xuất khẩu. **B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất. **D.** tạo sự hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp.

**Câu 19:** Các trung tâm công nghiệp thường được phân bố đâu?

**A.** Giao thông thuận lợi. **B.** Thị trường lao động rẻ.

**C.** Nguồn nguyên liệu phong phú. **D.** Những thành phố lớn.

**Câu 20:** Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chịu ảnh hưởng nhiều bởi

**A.** việc sử dụng nhiên liệu, chi phí vận chuyển. **B.** thời gian và chi phí xây dựng tốn kém.

**C.** nguồn nhiên liệu và thị trường tiêu thụ. **D.** lao động, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 21:** Tổ chức lãnh thổ công nghiệp phổ biến nhất ở các nước đang phát triển là

**A.** khu công nghiệp tập trung. **B.** điểm công nghiệp.

**C.** trung tâm công nghiệp. **D.** vùng công nghiệp.

**Câu 22:** Ngành sản xuất công nghiệp khác với ngành nông nghiệp ở chỗ

**A.** phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên. **B.** đất trồng là tư liệu sản xuất.

**C.** cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động. **D.** ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

**Câu 23:** Đâu **không** phải sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm?

**A.** Sữa, rượu, bia, nước giải khát. **B.** Dệt - may, da giày, nhựa.

**C.** Thịt, cá hộp và đông lạnh. **D.** Rau quả sấy và đóng hộp.

**Câu 24:** Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

**A.** sản xuất ra nhiều sản phẩm mới. **B.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.** cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất. **D.** khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 25:** Cho bảng số liệu: trả lời Câu 25, Câu 26

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI THỜI KÌ 1950 – 2013



 Để thể hiện sản lượng than và dầu mỏ của thế giới thời kì 1950 – 2013, dạng biểu đồ thích hợp nhất là

**A.** Biểu đồ cột ghép.     **B.** Biểu đồ trơn. **C.** Biểu đồ miền.     **D.** Biểu đồ đường.

**Câu 26:** Nếu lấy năm 1950 = 100%, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của thế giới qua các năm lần lượt là :

**A.** 143,0% ; 186,1% ; 291,2% ; 331,0% ; 376,9 .

**B.** 201,1% ; 636,9% ; 726,5 % ; 691,2% ; 705,5 .

**C.** 238,3% ; 1223,6% ; 1535,8% ; 2199,4% ; 2393,1%.

**D.** 183,1% ; 407,4% ; 460,3% ; 621,7% ; 737,0%.

**Câu 27:** Cho biểu đồ về một số sản phẩm công nghiệp của Việt Nam, giai đoạn 2006 - 2015: *(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Sản lượng than sạch, dầu thô và điện.

**B.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch, dầu thô và điện.

**C.** Qui mô và cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện.

**D.** Cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện.

**Câu 28:** Sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm gồm

**A.** thịt, cá hộp và đông lạnh, sữa, rượu, giày, nước giải khát.

**B.** thịt, cá hộp và đông lạnh, sữa, rượu, áo, nước giải khát.

**C.** thịt, cá hộp và đông lạnh, sữa, rượu, quần, nước giải khát.

**D.** thịt, cá hộp và đông lạnh, sữa, rượu, bia, nước giải khát.

**II. TỰ LUẬN: 3,0 điểm**

**Câu 1:** Trình bày đặc điểm trung tâm công nghiệp. Lấy ví dụ.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau: Đơn vị: %

**Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới thời kỳ 2003-2017**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2003** | **2010** | **2015** | **2017** |
| Than | 100,0 | 141,1 | 150,0 | 145,4 |
| Dầu | 100,0 | 101,9 | 111,8 | 112,2 |
| Điện | 100,0 | 145,3 | 163,5 | 172,9 |

a) Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới thời kỳ 2003-2017 loại biểu đồ nào là phù hợp nhất?

b) Nhận xét về tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới thời kỳ 2003-2017.

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| [**thuvienhoclieu.com**](https://thuvienhoclieu.com/)**ĐỀ 3** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II** **[Môn: Địa Lý 10](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-10/)** |

**TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**Câu 1:** Ít gây ô nhiễm môi trường, không tiêu hao nhiều nguyên vật liệu nhưng đòi hỏi nguồn lao động có trình độ kĩ thuật cao là đặc điểm của ngành công nghiệp

**A.** năng lượng. **B.** thực phẩm.

**C.** sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** điện tử - tin học.

**Câu 2:** Sản lượng điện trên thế giới tập trung chủ yếu ở các nước có đặc điểm như thế nào?

**A.** Có tiềm năng dầu khí lớn

**B.** Phát triển và những nước công nghiệp mới

**C.** Có trữ lượng than lớn

**D.** Có nhiều sông lớn

**Câu 3:** Đặc điểm nào sau đây là của trung tâm công nghiệp?

**A.** Khu vực có ranh giới rõ ràng. **B.** Nơi có một đến hai xí nghiệp.

**C.** Có dịch vụ hỗ trợ công nghiệp. **D.** Gắn với đô thị vừa và lớn.

**Câu 4:** Ngành công nghiệp nào sau đây một trong những ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của một quốc gia?

**A.** công nghiệp thực phẩm. **B.** công nghiệp năng lượng.

**C.** công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** công nghiệp điện tử - tin học.

**Câu 5:** Điện là sản phẩm của ngành:

**A.** công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**B.** công nghiệp thực phẩm.

**C.** công nghiệp năng lượng.

**D.** công nghiệp điện tử - tin học.

**Câu 6:** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1980-2010**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1980** | **1990** | **2003** | **2010** |
| Điện (tỷ KWh) | 8247 | 11832 | 14851 | 22369 |

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của thế giới giai đoạn 1980 - 2010, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.**  Biểu đồ kết hợp.                                                **B.**  Biểu đồ cột.

**C.**  Biểu đồ đường.                                     **D.**  Biểu đồ miền.

**Câu 7:** Điểm nào dưới đây **không đúng** với vùng công nghiệp

**A.** có đầy đủ các điều kiện tự nhiên, kinh tế thuận lợi phát triển một ngành nhất định

**B.** các điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp có mối liên hệ với nhau

**C.** quy mô lãnh thổ rộng lớn

**D.** có vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa

**Câu 8:** Đa dạng về sản phẩm, quy trình sản xuất đơn giản, chịu ảnh hưởng lớn về lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp

**A.** sản xuất hàng tiêu tiêu dùng. **B.** khai thác than

**C.** khai thác dầu khí **D.** điện tử – tin học

**Câu 9:** Ngành nào sau đây là một trong các phân ngành của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

**A.** khai thác than. **B.** rau quả sấy và đóng hộp

**C.** máy tính. **D.** nhựa.

**Câu 10:** Linh kiện điện tử, các tụ điện, các vi mạch,... là sản phẩm nhóm

**A.** Máy tính. **B.** Thiết bị điện tử.

**C.** Thiết bị viễn thông. **D.** Điện tử tiêu dùng .

**Câu 11:** Sản phẩm nào sau đây **thuộc** ngành công nghiệp thực phẩm?

**A.** Rượu bia. **B.** Da giày. **C.** Tơ tằm. **D.** Sành sứ.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu: *(Đơn vị: triệu tấn) (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| Sản lượng dầu thô | 17 | 15 | 14 | 13 |

**SẢN LƯỢNG DẦU THÔ KHAI THÁC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 – 2019**

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô khai thác của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2019?

**A.** Đều tăng. **B.** Ổn định. **C.** Tăng mạnh. **D.** Đều giảm.

**Câu 13:** Đặc điểm nào của khoáng sản **không** ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố công nghiệp?

**A.** màu sắc. **B.** trữ lượng. **C.** chất lượng. **D.** phân bố.

**Câu 14:** Ý nào **không** đúng với đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

**A.** Ít gây ô nhiễm môi trường.

**B.** Yêu cầu nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

**C.** Tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.

**D.** Không chiếm diện tích rộng.

**Câu 15:** Sản phẩm nào sau đây của ngành thiết bị viễn thông?

**A.** điện thoại. **B.** các vi mạch. **C.** ti vi màu. **D.** phần mềm.

**Câu 16:** Ngành công nghiệp có vai trò đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người là

**A.** khai thác dầu mỏ. **B.** khai thác than.

**C.** công nghiệp điện lực. **D.** điện tử - tin học.

**Câu 17:** Vai trò **không** phải của công nghiệp là

**A.** thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. **B.** khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**C.** đảm bảo an ninh lương thực. **D.** củng cố an ninh quốc phòng.

**Câu 18:** Nhân tố dân cư – lao động ảnh hưởng chủ yếu đến công nghiệp qua việc

**A.** đường lối, chính sách phát triển. **B.** tiêu thụ sản phẩm.

**C.** nguyên liệu cung cấp cho sản xuất. **D.** lựa chọn nơi xây dựng.

**Câu 19:** Cho bảng: *(Đơn vị: Triệu tấn)*

**SẢN LƯỢNG THAN CỦA PHI –LIP-PIN GIAI ĐOẠN 2010-2018**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** |
| **Sản lượng** | 6,7 | 7,4 | 11,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng than của Phi-lip-pin giai đoạn 2010-2018 là

**A.** tròn. **B.** cột. **C.** đường. **D.** miền

**Câu 20:** Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Gồm 1 đến 2 xí nghiệp. **B.** Có dân cư sinh sống.

**C.** Có ranh giới rõ ràng. **D.** Xa trục đường giao thông

**Câu 21:** Than là nhiên liệu của ngành nào sau đây?

**A.** Thủy điện. **B.** Điện tử. **C.** Thực phẩm. **D.** Nhiệt điện.

**Câu 22:** Sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây?

**A.** Nguồn nước và sinh vật. **B.** Nguồn lao động và vị trí.

**C.** Khoáng sản và lao động. **D.** Lao động và thị trường.

**Câu 23:** Dựa vào bảng số liệu:

**CƠ CẤU GDP CỦA VIỆT NAM PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ NĂM 2000 VÀ 2009**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2009** |
| Nông - lâm - ngư nghiệp | 24,6 | 20,9 |
| Công nghiệp - xây dựng | 36,7 | 40,2 |
| Dịch vụ | 38,7 | 38,9 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và 2009 là

**A.** biểu đồ cột ghép. **B.** biểu đồ tròn. **C.** biểu đồ đường. **D.** biểu đồ miền.

**Câu 24:** Khu vực nào có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất trên thế giới?

**A.** Trung Đông. **B.** Bắc Mĩ. **C.** Châu Phi. **D.** Mĩ Latinh

**Câu 25:** Sự phân bố công nghiệp thực phẩm **không** phụ thuộc vào

**A.** nguồn lao động. **B.** thị trường tiêu thụ.

**C.** tài nguyên khoáng sản. **D.** nguồn nguyên liệu.

**Câu 26:** Cho số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG NGŨ CỐC VÀ DÂN SỐ CỦA THẾ GIỚI NĂM 2007**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **2007** |
| **Sản lượng ngũ cốc (triệu tấn)** | 2 351,4 |
| **Dân số ( triệu người)** | 6 625 |

Sản lượng ngũ cốc bình quân đầu người năm 2007 là :

**A.** 355 kg/người. **B.** 365 kg/người. **C.** 360 kg/người. **D.** 370 kg/người.

**Câu 27:** Sản phẩm nào sau đây **không thuộc** ngành công nghiệp điện tử-tin học?

**A.** Máy tính. **B.** Ti vi. **C.** Máy giặt. **D.** Điện thoại.

**Câu 28:** Quốc gia nào sau đây có ngành dệt – may phát triển mạnh?

**A.** Cam-pu-chia **B.** Mianma. **C.** Angiêri. **D.** Trung Quốc.

**Câu 29:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn liền với một vùng lãnh thổ rộng lớn là

**A.** khu công nghiệp. **B.** điểm công nghiệp.

**C.** trung tâm công nghiệp. **D.** vùng công nghiệp.

**Câu 30:** Đặc điểm **không** phải của trung tâm công nghiệp là

**A.** gắn với đô thị vừa và lớn. **B.** có các xí nghiệp nòng cốt.

**C.** gồm nhiều điểm, khu công nghiệp. **D.** không có dân cư sinh sống.

**Câu 31:** Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

**A.** sản xuất ra nhiều sản phẩm mới. **B.** cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. **D.** khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 32:** Vai trò nào sau đây của sản xuất công nghiệp đối với các ngành kinh tế?

**A.** Làm thay đổi sự phân công lao động. **B.** Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế.

**C.** Giảm chênh lệch về trình độ phát triển. **D.** Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên.

**Câu 33:** Cho bảng số liệu: *(Đơn vị; %)*

**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THAN, ĐIỆN CỦA ẤN ĐỘ**

**GIAI ĐOẠN 2010 - 2017**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2017** |
| **Than** | 100 | 154 |
| **Điện** | 100 | 127 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện của Ấn Độ năm 2010 và năm 2017?

**A.** Than tăng nhanh hơn điện. **B.** Than và điện đều không tăng.

**C.** Điện tăng nhanh, than không tăng **D.** Điện tăng nhanh hơn than.

**Câu 34:** Nguồn năng lượng nào sau đây có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất hiện nay?

**A.** Dầu mỏ. **B.** Điện.

**C.** Năng lượng mặt trời. **D.** Than đá.

**Câu 35:** Ý nào không đúng với vai trò của công nghiệp khai thác than.

**A.** Nguyên liệu quý cho công nghiệp hóa học và dược phẩm.

**B.** Nhiên liệu quan trọng cho nhà máy luyện kim.

**C.** Là nhiên liệu quan trọng, “vàng đen” của nhiều quốc gia.

**D.** Nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện

**Câu 36:** Khoáng sản nào sau đây được xem là “vàng đen” của nhiều quốc gia?

**A.** Quặng sắt. **B.** Than bùn. **C.** Dầu mỏ. **D.** Than đá.

**Câu 37:** Cho biểu đồ: (*Đơn vị: %)*

 B**IỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA BRU-NÂY**

**NĂM 2010 VÀ 2018**



 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Căn cứ biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi tỉ trọng GDP phân theo ngành kinh tế của

Bru-nây năm 2010 và năm 2018?

**A.** Nông - lâm - thủy sản giảm, dịch vụ tăng.

**B.** Công nghiệp - xây dựng giảm, dịch vụ giảm.

**C.** Công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ tăng.

**D.** Nông - lâm - thủy sản tăng, dịch vụ tăng.

**Câu 38:** Trong các nhân tố tự nhiên sau, nhân tố nào có vai trò quan trọng nhất đối với sự hình thành và phát triển công nghiệp?

**A.** Sinh vật. **B.** Khoáng sản. **C.** Đất. **D.** Nước – khí hậu.

**Câu 39:** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ NĂM 2016** *(Đơn vị: tỉ kwh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2016** |
| **Sản lượng điện** | 17,5 | 23,9 | 25,1 |

 (*Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Theo bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng điện của In-đô-nê-xi-a các năm trên lần lượt là:

**A.** 138%, 100%, 154% **B.** 100%, 138%, 145%

**C.** 134%, 100%, 143% **D.** 100%, 137%, 143%

**Câu 40:** Than đá không dùng để làm gì?

**A.** Vật liệu để xây dựng. **B.** Cốc hóa cho luyện kim đen.

**C.** Nhiên liệu cho nhiệt điện. **D.** Nguyên liệu cho hóa than.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| [**thuvienhoclieu.com**](https://thuvienhoclieu.com/)**ĐỀ 3** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II** **[Môn: Địa Lý 10](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-10/)** |

**Câu 1:** Nội dung nào sau đây ***không*** đúng chức năng của môi trường?

**A.** Không gian sống của con người **B.** Chứa đựng phế thải do con người tạo ra

**C.** Cung cấp tài nguyên thiên nhiên **D.** Phân phối và giao tiếp giữa người với người

**Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây ***không phải*** của ngành giao thông vận tải?

**A.** Làm thay đổi giá trị của sản phẩm vận chuyển.

**B.** Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

**C.** Chất lượng của sản phẩm được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi và an toàn

**D.** Chỉ tiêu đánh giá là khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển và cự li vận chuyển trung bình.

**Câu 3:** Sự phân hóa sản xuất giữa vùng Tây Nguyên với các vùng khác trong nước ta, ngành giao thông vận tải có vai trò:

**A.** Góp phần làm thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hóa

**B.** Giúp việc thực hiện mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương

**C.** Tạo nên mối giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các nước trên thế giới

**D.** Tham gia vào việc cung ứng vật tư kĩ thuật, nguyên, nhiên liệu đến các cơ sở sản xuất

**Câu 4:** Hiện nay nhiều liên kết kinh tế trên thế giới xuất hiện, điều đó góp phần đẩy nhanh xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế - xã hội thế giới là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Nhu cầu xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

**B.** Nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng có công nghệ cao.

**C.** Nhu cầu mở rộng các mối liên hệ kinh tế trên thế giới.

**D.** Nhu cầu về xuất khẩu hàng điện tử và tin học.

**Câu 5:** Nguồn xuất khẩu chủ yếu để thu ngoại tệ ở các nước Tây Á, nhiều nước châu Phi và Mĩ La Tinh là

**A.** Sản phẩm cây công nghiệp chế biến từ gỗ. **B.** Các sản phẩm từ ngành chăn nuôi.

**C.** Khoáng sản thô và đã qua chế biến. **D.** Gỗ và các sản phẩm chế biến từ gỗ.

**Câu 6:** Môi trường xã hội bao gồm:

**A.** Quan hệ sản xuất, sức sản xuất, phân phối và giao tiếp

**B.** Sức sản xuất và giao tiếp trong sản xuất xã hội

**C.** Quan hệ sản xuất với tư liệu sản xuất

**D.** Giao tiếp và phân phối sản phẩm xã hội

**Câu 7:** Việc khai thác khoáng sản mà không chú trọng đến các biện pháp bảo vệ môi trường ở các nước đang phát triển gây hậu quả gì?

**A.** Cạn kiệt nguồn khoáng sản. **B.** Ô nhiễm môi trường.

**C.** Nạn thất nghiệp. **D.** Kinh tế chậm phát triển.

**Câu 8:** Nhập siêu là kết quả về cán cân thương mại của một nước ở vào tình trạng:

**A.** cân bằng về mậu dịch **B.** thâm hụt về mậu dịch

**C.** có ưu thế về thương mại **D.** thặng dư về mậu dịch

**Câu 9:** Loại hình giao thông vận tải nào sau đây phân bố phản ánh sự phân bố công nghiệp?

**A.** Đường ống. **B.** Đường ô tô. **C.** Đường biển. **D.** Đường sắt.

**Câu 10:** Tài nguyên thiên nhiên là

**A.** Tất cả các thành phần tự nhiên có trên Trái Đất.

**B.** Các thành phần của tự nhiên được sử dụng hoặc có thể sử dụng làm phương tiện sản xuất và đối tượng tiêu dùng của con người

**C.** Tất cả những gì có trong tự nhiên, đã và đang ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

**D.** Các thành phần của tự nhiên có tác động đến cuộc sống của con người.

**Câu 11:** Để đánh giá hoạt động của ngành giao thông vận tải, người ta thường dựa vào

**A.** số lượng phương tiện của tất cả các ngành giao thông vận tải.

**B.** tổng chiều dài các loại đường.

**C.** khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển.

**D.** trình độ hiện đại của các phương tiện và đường sá.

**Câu 12:** Tài nguyên đất trồng được xem là:

**A.** có thể phục hồi **B.** bị hao kiệt **C.** không thể phục hồi **D.** vô tận

**Câu 13:** Theo quy luật cung – cầu, khi cung lớn hơn cầu thì hậu quả sẽ là:

**A.** sản xuất phát triển, giá cả tăng **B.** ngừng sản xuất trong một thời gian

**C.** sản xuất và giá cả sẽ giảm **D.** sản xuất và giá cả ổn định

**Câu 14:** Theo cách phân loại, ngành thương mại được chia làm:

**A.** hai phân ngành **B.** năm phân ngành **C.** ba phân ngành **D.** bốn phân ngành

**Câu 15:** Khu vực nào sau đây tập trung nhiều cảng biển của thế giới :

**A.** Ấn Độ Dương. **B.** Đại Tây Dương. **C.** Địa Trung Hải. **D.** Thái Bình Dương.

**Câu 16:** Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

**A.** sự chuyên chở người và hàng hóa. **B.** đường xá và phương tiện.

**C.** đường xá và xe cộ. **D.** sự tiện nghi và an toàn cho hành khách và hàng hóa.

**Câu 17:** Nguyên nhân làm cho môi trường ở các nước đang phát triển thêm phức tạp là

**A.** Nhiều công ti xuyên quốc gia đã chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển.

**B.** Chiến tranh và xung đột triền miên.

**C.** Chậm phát triển về kinh tế - xã hội.

**D.** Bùng nổ dân số trong nhiều năm.

**Câu 18:** Tài nguyên thiên nhiên được phân thành:

**A.** tài nguyên nông nghiệp, công nghiệp **B.** có thể bị hao kiệt và không bị hao kiệt

**C.** tài nguyên phục hồi và không phục hồi **D.** đât,nước, không khí và sinh vật

**Câu 19:** Ở vùng hoang mạc và vùng băng giá ảnh hưởng đến

**A.** các hoạt động của các phương tiện vận tải

**B.** hoạt động của giao thông đường sông

**C.** công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải

**D.** sự quy định có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải

**Câu 20:** Hệ thống đường ống dẫn dài và dày đặc nhất thế giới là

**A.** Trung Quốc **B.** Hoa Kì **C.** Liên Bang Nga **D.** Trung Đông

**Câu 21:** Khu vực nào sau đây có chiều dài đường sắt đang bị thu hẹp do sự cạnh tranh của ngành đường ô tô:

**A.** Các nước đang phát triển **B.** Nhật Bản và CHLB Đức

**C.** Nga và các nước Đông Âu **D.** Tây Âu và Hoa Kỳ

**Câu 22:** Nhận định nào sau đây không đúng khi nói thông qua việc đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, nền kinh tế trong nước sẽ có động lực mạnh mẽ để phát triển?

**A.** Chỉ có lợi cho các nhà sản xuất, không có lợi cho người tiêu dùng.

**B.** Tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

**C.** Tăng hiệu quả kinh tế của nhiều ngành sản xuất.

**D.** Hoạt động xuất nhập khẩu sẽ tạo đầu ra cho sản phẩm.

**Câu 23:** Nước ta có nhiều núi và sông ảnh hưởng đến sự phát triển ngành giao thông là

**A.** công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải

**B.** quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải

**C.** đến hoạt động của giao thông đường sông

**D.** các hoạt động của các phương tiện vận tải

**Câu 24:** Những vấn đề môi trường của các nước phát triển chủ yếu gắn với những tác động môi trường do sự

**A.** Phát triển ngoại thương. **B.** Phát triển công nghiệp.

**C.** Phát triển du lịch. **D.** Phát triển nông nghiệp.

**Câu 25:** Điều nào sau đây đúng khi nói về tài nguyên nông nghiệp?

**A.** Đất để phục vụ cho trồng trọt và chăn nuôi

**B.** Rừng để phục vụ cho công nghiệp khai thác và chế biến

**C.** Khoáng sản phục cho công nghiệp khai thác và chế biến

**D.** Khí hậu phục vụ cho phát triển du lịch

**Câu 26:** Các trung tâm phát tán khí thải lớn nhất của thế giới là

**A.** Các nước EU, Nhật Bản, Hoa Kì. **B.** Các nước ở châu Á, châu Phi, Mĩ La tinh.

**C.** Các nước ở Mĩ La tinh, châu Phi. **D.** Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.

**Câu 27:** Đâu ***không phải*** là đặc điểm của các nước đang phát triển ?

**A.** Chiếm phần lớn dân số thế giới. **B.** Có nhiều cán bộ khoa học- kĩ thuật.

**C.** Kinh tế - xã hội chậm phát triển . **D.** Rất giàu về tài nguyên.

**Câu 28:** Đặc điểm nào dưới đây thuộc về môi trường nhân tạo ?

**A.** Mỗi trường nhân tạo phát triển theo quy luật riêng của nó.

**B.** Môi trường nhân tạo phát triển theo các quy luật tự nhiên.

**C.** Môi trường nhân tạo không phụ thuộc vào con người.

**D.** Các thành phần của môi trường nhân tạo sẽ bị hủy hoại nếu không có bàn tay chăm sóc của con người.

**Câu 29:** Thử thách lớn nhất của loài người trong quá trình phát triển hiện nay là

**A.** Nhiều tài nguyên đang bị cạn kiệt, trong khi sản xuất xã hội không ngừng được mở rộng.

**B.** Ô nhiễm môi trường nước và không khí ngày càng tăng.

**C.** Xung đột chính trị xảy ra khắp nơi.

**D.** Bệnh dịch, nạn thiếu lương thực ngày càng tăng.

**Câu 30:** Cán cân xuất nhập khẩu là:

**A.** quan hệ so sánh giữa giá trị hàng xuất khẩu so với hàng nhập khẩu

**B.** quan hệ so sánh giữa giá trị hàng nhập khẩu so với hàng xuất

**C.** sự chênh lệch giữa ngành nội thương và ngoại thương

**D.** giá trị đo được của một khối lượng hàng hoá nhập khẩu

**Câu 31:** Số sân bay quốc tế chiếm gần 50% số sân bay quốc tế trên thế giới nằm ở

**A.** Anh và Pháp **B.** Hoa Kì và Anh

**C.** Pháp và Liên Bang Nga **D.** Hoa Kì và Tây Âu

**Câu 32:** Nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải là

**A.** điều kiện kinh tế - xã hội **B.** điều kiện sông ngòi và khí hậu

**C.** vị trí địa lí **D.** điều kiện địa hình và khí hậu

**Câu 33:** Môi trường tự nhiên có vai trò rất quan trọng đối với xã hội loài người nhưng không phải là nguyên nhân quyết định sự phát triển của xã hội loài người vì

**A.** Sự phát triển của môi trường tự nhiên bao giờ cũng diễn ra chậm hơn sự phá triển của xã hội loài người.

**B.** Sự phát triển của môi trường tự nhiên bao giờ cũng diễn ra nhanh hơn sự phát triển của xã hội loài người.

**C.** Môi trường tự nhiên không cung cấp đầy đủ nhu cầu của con người.

**D.** Môi trường tự nhiên phát triển theo quy luật tự nhiên không phụ thuộc vào tác động của con người.

**Câu 34:** Nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải là

**A.** điều kiện địa hình và khí hậu **B.** điều kiện sông ngòi và khí hậu

**C.** điều kiện kinh tế - xã hội **D.** vị trí địa lí

**Câu 35:** Quốc gia có đội tàu buôn lớn nhất thế giới là

**A.** Síp **B.** Pa- na- ma **C.** Hi Lạp **D.** Nhật Bản

**Câu 36:** Phát triển bền vững là sự phát triển

**A.** tạo nền tảng cho sự phát triển tương lai.

 **B.** không làm ảnh hưởng đến môi trường.

**C.** đảm bảo kinh tế phát triển nhanh. **D.** giải quyết được vấn đề việc làm.

**Câu 37:** Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là

**A.** khối lượng vận chuyển **B.** khối lượng luân chuyển và vận chuyển

**C.** cự li vận chuyển trung bình **D.** khối lượng luân chuyển

**Câu 38:** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN

PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA NĂM 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại hình | Khối lượng hàng hóa vận chuyển( Triệu tấn ) | Khối lượng hàng hóa luân chuyển( Triệu tấn ) |
| Đường sắt | 7,2 | 4311,5 |
| Đường bộ | 821,7 | 48189,8 |
| Đường sông | 190,6 | 40099,9 |
| Đường biển | 58,9 | 130015,5 |
| Đường hàng không | 0,2 | 534,4 |

Ngành giao thông vận tải có cự li vận chuyển lớn nhất là

**A.** Đường bộ. **B.** Đường hàng không **C.** Đường sông **D.** Đường biển.

Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2014

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NƯỚC | TỔNG SỐ | XUẤT KHẨU | NHẬP KHẨU |
| 1 | Trung Quốc | 4501 | 2252 | 2249 |
| 2 | Hoa Kì | 3990 | 1610 | 2380 |
| 3 | Nhật Bản | 1522,4 | 710,5 | 811,9 |
| 4 | Đức | 2866 | 1547 | 1319 |
| 5 | Pháp | 1212,3 | 578,3 | 634 |

Dựa vào bảng số liệu trên ,trả lời các câu hỏi ***39-40***

**Câu 39:** Trong năm 2014 các nước nào xuất siêu?

**A.** Trung Quốc, Đức. **B.** Trung Quốc, Hoa Kì. **C.** Đức, Pháp. **D.** Đức, Nhật Bản

**Câu 40:** Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu của các nước trong bảng số liệu trên.

 **A.** Biểu đồ cột, đường. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ miền **D.** Biểu đồ kết hợp

|  |  |
| --- | --- |
| [**thuvienhoclieu.com**](https://thuvienhoclieu.com/)**ĐỀ 4** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II** **[Môn: Địa Lý 10](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-10/)** |

**I – Phần trắc nghiêm (5,0 điểm)**

**Câu 1:** Ưu điểm lớn nhất của vận tải đường hàng không là

**A.** sử dụng có hiệu quả các thành tựu mới nhất của khoa học – kĩ thuật.

**B.** có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các mối giao lưu quốc tế.

**C.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất trong các phương tiện vận tải.

**D.** gây thủng tầng ô dôn.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau: CƠ CẤU GDP CỦA THẾ GIỚI THỜI KÌ 1980 – 2004 (Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Năm****Khu vực** | **1980** | **2004** |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 7 | 4 |
| Công nghiệp – xây dựng | 38 | 32 |
| Dịch vụ | 55 | 64 |
| **Tổng** | **100** | **100** |

Để thể hiện cơ cấu GDP của thế giới năm 1980 và 2004, dạng biểu đồ thích hợp là

**A.** đường. **B.** miền. **C.** tròn. **D.** cột.

**Câu 3:** Nhận xét nào đúng nhất khi nói về vai trò của môi trường đối với sự phát triển của xã hội loài người?

**A.** Không có vai trò quyết định đến sự phát triển của xã hội.

**B.** Là nguyên nhân quyết định sự phát triển của xã hội.

**C.** Ít có ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội loài người.

**D.** Không liên quan đến sự phát triển của xã hội loài người.

**Câu 4:** Thị trường hoạt động được là nhờ yếu tố nào?

**A.** Sự trao đổi hiện vật.

**B.** Sự trao đổi vật ngang giá.

**C.** Sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ.

**D.** Sự trao đổi giữa người bán và người mua về những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

**Câu 5:** Thị trường hoạt động theo quy luật nào?

**A.** Cung cầu. **B.** Điều tiết. **C.** Trao đổi. **D.** Buôn bán.

**Câu 6:** Môi trường địa lí được hiểu là

**A.** các loài sinh vật trên Trái Đất, tồn tại và phát triển song song với thế giới loài người.

**B.** bầu không khí bao quanh Trái Đất, có quan hệ trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

**C.** các quyển của Trái Đất, có quan hệ trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

**D.** không gian bao quanh Trái Đất, có quan hệ trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

**Câu 7:** Loại tài nguyên không khôi phục được bao gồm

**A.** các loại khoáng sản đang được khai thác để sử dụng trong công nghiệp.

**B.** các loại khoáng sản, rừng và các loài sinh vật.

**C.** các loại tài nguyên: đất, nước, sinh vật, khoáng sản.

**D.** nước, gió, năng lượng mặt trời, thủy triều, ...

**Câu 8:** Ý nào **không phải** là vai trò chính của nông nghiệp?

**A.** Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

**B.** Cung cấp thực phẩm có dinh dưỡng cao cho con người.

**C.** Xuất khẩu.

**D.** Nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp.

**Câu 9:** Nhận xét nào **không đúng** về vai trò của ngành công nghiệp?

**A.** Không ngành kinh tế nào không sử dụng các sản phẩm của công nghiệp.

**B.** Làm gia tăng trình độ phát triển kinh tế kĩ thuật giữa các vùng.

**C.** Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác.

**D.** Nâng cao trình độ văn minh của toàn xã hội.

**Câu 10:** Vai trò quan trọng nhất của ngành dịch vụ là

**A.** tạo việc làm và tăng thu nhập. **B.** thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất.

**C.** khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên. **D.** sử dụng tốt hơn nguồn lao động.

**Câu 11:** Các trung tâm dịch vụ lớn nhất thế giới là

**A.** Niu I – ooc, Luân Đôn, Tô – ki – ô. **B.** Lôt An – giơ – let, Si ca gô, Oa – sinh – tơn.

**C.** Niu I – ooc, Luân Đôn, Pa ri. **D.** Lôt An – giơ – let, Si ca gô, Tô – ki – ô.

**Câu 12:** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

**A.** các loại cây lương thực. **B.** cây trồng và vật nuôi.

**C.** các loại vật nuôi. **D.** các loại cây công nghiệp.

**Câu 13:** Để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp cần

**A.** tạo ra các giống cây trồng thích hợp với mọi đặc điểm thời tiết.

**B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ, gối vụ.

**C.** xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí và đa dạng hóa sản xuất.

**D.** đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, hạn chế phát triển trồng trọt.

**Câu 14:** Đặc điểm của khu công nghiệp tập trung là

**A.** đồng nhất với một điểm dân cư. **B.** là vùng lãnh thổ rộng lớn.

**C.** có quy mô lớn hơn trung tâm công nghiệp. **D.** có ranh giới rõ ràng.

**Câu 15:** Ưu điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học là

**A.** đòi hỏi vốn đầu tư ít, không yêu cầu lao động trình độ cao.

**B.** ít gây ô nhiễm môi trường, không chiếm diện tích rộng.

**C.** Quy trình sản xuất tương đối đơn giản.

**D.** thu hồi vốn nhanh, thu lợi nhuận dễ dàng.

**Câu 16:** Khi cung lớn hơn cầu thì giá cả trên thị trường

**A.** có xu hướng ổn định. **B.** có xu hướng tăng.

**C.** có xu hướng giảm. **D.** không thay đổi.

**Câu 17:** Nhân tố có tác động đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ là

**A.** Tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng du lịch.

**B.** Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

**C.** Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

**D.** Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội.

**Câu 18:** Cho bảng số liệu sau:

TỔNG GDP THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA CÁC CHÂU LỤC NĂM 2010 (Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Châu lục** | Châu Á | Châu Mỹ | Châu Phi | Châu Âu | Châu Đại Dương |
| **GDP** | 18 343,6 | 21 129,4 | 1 624,5 | 18 995,2 | 1 147,4 |

Nhận xét nào sau đây **đúng**?

**A.** GDP của châu Mỹ cao hơn cả GDP của châu Âu và châu Đại Dương cộng lại.

**B.** GDP của châu Á cao hơn GDP của châu Âu, châu Phi và châu Đại Dương cộng lại.

**C.** GDP của châu Mỹ cao gấp 20 lần GDP của châu Phi.

**D.** GDP của châu Mỹ cao hơn cả GDP của châu Á và châu Âu cộng lại.

**Câu 19:** Ý nào **không đúng** về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

**A.** ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác công trình giao thông.

**B.** quy định sự có mặt của và vai trò của một số loại hình vận tải.

**C.** ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện vận tải.

**D.** ảnh hưởng sâu sắc tới sự vận tải hành khách, nhất là vận tải bằng ô tô.

**Câu 20:** Các ngành dịch vụ: buôn bán, du lịch, y tế, giáo dục… thuộc nhóm ngành dịch vụ

**A.** sản xuất. **B.** kinh doanh. **C.** tiêu dùng. **D.** công.

**II – Phần tự luận (5,0 điểm)**

**Câu 1 (2,5 điểm)**

a) Nêu đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

b) Dựa vào bảng số liệu sau: (Đơn vị: tỉ USD)

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ CƯỜNG QUỐC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NĂM 2004

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Giá trị****Nước** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| Hoa Kì | 818,5 | 1525,7 |
| CHLB Đức | 911,6 | 718,0 |
| Nhật Bản | 565,7 | 454,5 |

Hãy tính tổng giá trị xuất nhập khẩu và cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kì, CHLB Đức, Nhật Bản năm 2004.

**Câu 2 (2,5 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ DẦU MỎ CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1970 – 2003 (Đơn vị: triệu tấn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Sản phẩm** | **1970** | **1980** | **1990** | **2003** |
| Than | 2936 | 3770 | 3387 | 5300 |
| Dầu mỏ | 2336 | 3066 | 3331 | 3904 |

Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng than và dầu mỏ của thế giới giai đoạn 1970 – 2003. Qua bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét cần thiết.